

Bản án số: 362/2019/DS-PT

Ngày: 25-4-2019

V/v Tranh chấp không gian

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thương Huyền

Ông Trần Nam Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp không gian”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 938/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 1660/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2213/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn S, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông S có mặt)*

2. Bị đơn:

2.1 Ông Đỗ Phan Tr, sinh năm 1976; Địa chỉ: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông Tr có mặt)*

2.2 Bà Phan Thị T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị T: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 10 năm 2014 lập tại Văn phòng công chứng Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Bà N có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đỗ Phan Tr và bà Phan Thị T: Luật sư Phan Hồng V, Luật sư Bùi Ngọc H, cùng là luật sư của Công ty Luật TNHH L thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông V, ông H có mặt).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lâm Ngọc L, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Bà L có mặt)*

3.2. Ông Đỗ Phan L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Phan L: Ông Đỗ Phan Tr, sinh năm 1976; Địa chỉ Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 6 năm 2011 lập tại Văn phòng công chứng Đ. *(Ông Tr có mặt)*

3.3. Bà Đỗ Phan H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Phan H: Ông Đỗ Phan Tr, sinh năm 1976; Địa chỉ Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 6 năm 2011 lập tại Văn phòng công chứng Đ. *(Ông Tr có mặt)*

3.4. Ông Đỗ Phan Ng, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh .

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Phan Ng: Ông Đỗ Phan Tr, sinh năm 1976; Địa chỉ Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 6 năm 2011 lập tại Văn phòng công chứng Đ. *(Ông Tr có mặt)*

3.5. Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1976; Địa chỉ: phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh . *(Bà A có đơn xin vắng mặt)*

3.6. Trẻ Đỗ Hồng N, sinh năm 2003; Địa chỉ: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Đỗ Hồng Nc: Ông Đỗ Phan Tr, sinh năm 1976, bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông Tr có mặt, bà A có đơn xin vắng mặt)*

3.7. Trẻ Đỗ Ngọc H, sinh năm 2007; Địa chỉ: Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Đỗ Ngọc H: Ông Đỗ Phan Tr, sinh năm 1976, bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông Tr có mặt, bà A có đơn xin vắng mặt)*

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Hạng Văn Duy H; Địa chỉ phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông H vắng mặt)*

4.2. Bà Hạng Thị Duy T; Địa chỉ Phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Bà TT vắng mặt)*

4.3. Bà Võ Thị Thu V; Địa chỉ Phường S, Quận N Thành phố Hồ Chí Minh. *(Bà V vắng mặt)*

4.4. Ông Hạng Võ Chí N; Địa chỉ Phường S, Quận N Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông N vắng mặt)*

4.5. Ông Hạng Võ Đại N; Địa chỉ Phường S, Quận N Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông N vắng mặt)*

4.6. Ông Nguyễn Đình P; Địa chỉ: Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông P vắng mặt)*

4.7. Ông Nguyễn Duy Quốc Đ; Địa chỉ: Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Ông Đ vắng mặt)*

5. Người giám định: Công ty SG; Địa chỉ: Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty SG: Ông Nguyễn Minh K, đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền số 153/UQ.23/SCQC ngày 11/4/2019. *(Ông K vắng mặt)*

6. Người kháng cáo: Ông Vũ Văn S - Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Vũ Văn S trình bày:

Ngày 02/8/2009, ông có xây dựng một căn nhà tại khu phố 2, phường ĐH, Quận M theo Giấy phép xây dựng số 3382/GP-UBND ngày 13/7/2009 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp. Căn nhà này đã được cấp số nhà là 84 phường ĐH,

Quận M theo Thông báo tạm cấp số nhà số 2822/TB-UB ngày 08/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận M. Đất để xây nhà này là do ông và bà Lâm Ngọc L (vợ ông S) nhận chuyển nhượng của chủ cũ là bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Đình P, ông Nguyễn Duy Quốc Đ, bà Võ Thị Thu V, ông Hạng Võ Đại N, ông Hạng Võ Chí N, bà Hạng Thị Duy T, ông Hạng Văn Duy H, bà Hạng Thị Duy T (Các chủ cũ này đã được Ủy ban nhân dân Quận M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01763/03 ngày 10/3/2008). Giao dịch trên được ghi nhận tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng Công chứng N chứng nhận số 9759, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/3/2008 và ngày 21/3/2008, trước bạ ngày 01/4/2008. Ông S, bà L đã thực hiện việc đăng ký thay đổi chủ sử dụng theo xác nhận số 429/ĐHT ngày 08/4/2008.

Sau khi xây nhà xong phần thô, đến phần tô vách tường nơi tiếp giáp với căn nhà A50 phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị ông Đỗ Phan Tr và bà Phan Thị T (mẹ ông Tr) ngăn cản. Ông Tr và bà T cho rằng nhà ông lấn không gian nhà A50 của họ. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tr, bà T phải tạo điều kiện và không được ngăn cản việc ông sử dụng không gian nhà A50 để tô vách tường hoàn thiện nhà 84 của ông.

Bị đơn bà Phan Thị T do bà Bùi Thị N đại diện trình bày:

Gia đình bà T ngăn cản không cho ông Vũ Văn S tô vách tường nhà là vì trên thực tế ông S đã xây nhà lấn chiếm không gian nhà số A50 phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của gia đình bà T (nhà này chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất). Bà T và các con là ông Đỗ Phan Tr, ông Đỗ Phan L, ông Đỗ Phan Ng, ông Đỗ Phan H ở đây đã lâu (từ trước khi chồng bà là ông Đỗ Văn Thông mất năm 2006), giữa căn nhà của bà và nền nhà của chủ cũ trước đây của ông Vũ Văn S có một hàng rào xi - măng, là ranh giới hai bên đã ký thỏa thuận. Trên thực tế ông S đã xây dựng nhà lấn qua trụ điện và không gian nhà của bà do phần đà đỡ không đúng. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng, ông S đã bẻ mái tôn của nhà bà ngược lên, trụ sắt cột dẫn điện của gia đình bà hiện nằm trên phần ban công nhà ông S. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà T có đơn phản tố, yêu cầu ông Vũ Văn S phải tháo dỡ công trình xây dựng lấn không gian nhà A50, trong đó có trụ dẫn điện của nhà A50 để trả lại phần không gian nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Phan Thị T và ông Đỗ Phan Tr.

Bị đơn ông Đỗ Phan Tr trình bày:

Ông thống nhất với trình bày như trên của bà Phan Thị T và không bổ sung gì thêm.

Ông có đơn phản tố, yêu cầu ông Vũ Văn S phải tháo dỡ công trình xây dựng lấn không gian nhà A50, trong đó có trụ dẫn điện của nhà A50, để trả lại phần không gian nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Phan Thị T và ông Đỗ Phan Tr.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Ngọc L trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của ông Vũ Văn S và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của ông Đỗ Phan Tr và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Phan L, bà Đỗ Phan H, ông Đỗ Phan Nguyễn do ông Đỗ Phan Tr là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông L, bà H, ông Nguyễn thống nhất với ý kiến của ông Đỗ Phan Tr, bà Phan Thị T và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trẻ Đỗ Hồng N, trẻ Đỗ Ngọc H do ông Đỗ Phan Tr và bà Nguyễn Thị Hồng A là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Thống nhất với ý kiến của ông Đỗ Phan Tr và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận M xét xử sơ thẩm lần thứ nhất tại Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2010/DSST ngày 17/8/2010 của Tòa án nhân dân Quận M. Sau đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm tại Bản án số 1243/2010/DSPT ngày 03/11/2010 với nội dung hủy Bản án sơ thẩm số 205/2010/DSST ngày 17/8/2010, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2018/DS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận M đã tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn S.

Nội dung yêu cầu bị bác là: Yêu cầu ông Đỗ Phan Tr, bà Phan Thị T không được cản trở, tạo điều kiện để ông S được sử dụng phần không gian nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để tô tường hoàn thiện nhà 84 phường ĐH, Quận M của ông Vũ Văn S và bà Lâm Ngọc L.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị T và ông Đỗ Phan Tr.

Buộc ông Vũ Văn S, bà Lâm Ngọc L tháo dỡ công trình xây dựng lầu không gian nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có trụ dẫn điện của nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, để trả lại phần không gian nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đỗ Phan Tr, bà Phan Thị T.

3/ Buộc ông Vũ Văn S, bà Lâm Ngọc L phải trả lại cho ông Đỗ Phan Tr, bà Phan Thị T số tiền chi phí kiểm định là 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà T, ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S, bà L không trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng ông S, bà L còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 22/8/2018, nguyên đơn ông Vũ Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Vũ Văn S vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn bà Phan Thị T có bà Bùi Thị N đại diện và ông Đỗ Phan Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Các bị đơn xác nhận tại cấp sơ thẩm, các bị đơn không làm đơn yêu cầu phản tố mà chỉ trình bày yêu cầu phản tố trong đơn kiến nghị năm 2012 và các biên bản làm việc khác tại Tòa án.

Các bị đơn thống nhất với phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bao gồm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định đơn kháng cáo của ông S là không có căn cứ pháp luật và bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 601/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót như bị đơn không làm đơn yêu cầu phản tố, không thông báo thụ lý bổ sung đối với yêu cầu phản tố theo luật định; không xác định được ranh đất giữa hai nhà và không xác định rõ phần diện tích được tháo dỡ nên yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 601/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn S nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 238, Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[3] Về nội dung kháng cáo, ông S cho rằng Tòa án nhân dân Quận M đã vận dụng chứng cứ sai quy định: công văn trả lời của Công ty SG, cây trụ điện không có trong yêu cầu khi phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Vũ Văn S, bà Lâm Ngọc L tháo dỡ công trình xây dựng lấn không gian nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót khi không xác định ranh giới giữa các bất động sản khi xem xét việc lấn chiếm không gian của nhà 84 phường ĐH, Quận M.

Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 25/3/2014 thể hiện phần hiện trạng nhà 84 có phần nằm ngoài ranh theo giấy chứng nhận đã cấp. Tòa án đã có sai sót khi không căn cứ vào ranh đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01763/03 để làm rõ các vị trí xây dựng nằm ngoài ranh đất thuộc quyền sử dụng của ông S mà lại căn cứ vào Kết quả kiểm định công trình số 13013/DV.32/SCQC ngày 15/4/2013 của Công ty SG là không có cơ sở pháp luật vì:

Tại Công văn số 853/CV.32/SCQC ngày 06/12/2013 của Công ty SG thì Công ty SG đã xác định Công ty không có chức năng đo đạc địa chính nên không thể xác định ranh chủ quyền của hai nhà.

Ngoài Kết quả kiểm định công trình số 13013/DV.32/SCQC ngày 15/4/2013 lấy mép ngoài chân tường tầng trệt nhà A50, Công ty SG còn đưa ra

kết quả kiểm định khi lấy mép ngoài chân tường nhà 84 làm ranh đất để Tòa án lựa chọn tham khảo.

Do hai bên đương sự không xác định được ranh đất và cũng không có căn cứ để xác định ranh đất là mép ngoài chân tường tầng trệt nhà A50 hay mép ngoài chân tường nhà 84 theo quy định tại Điều 265 Bộ luật dân sự năm 2005 nên kết quả kiểm định của Công ty SG không thể coi là chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngoài ra, tại phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc ông Vũ Văn S, bà Lâm Ngọc L tháo dỡ công trình xây dựng lấn không gian nhà A50, phường ĐH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh mà không xác định cụ thể vị trí, diện tích nào của công trình lấn chiếm không gian cần tháo dỡ.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, theo lời khai của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm và các chứng cứ có trong hồ sơ thì bị đơn chưa nộp đơn phản tố cho Tòa án theo quy định mà chỉ trình bày các yêu cầu phản tố này trong Đơn kiến nghị ngày 28/5/2012 và một số văn bản khác. Việc bị đơn chưa nộp đơn yêu cầu phản tố mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết yêu cầu này đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi bổ sung năm 2011).

Về án phí: Do vụ án được thụ lý lần đầu vào ngày 03/11/2009 nên theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trường hợp này áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để làm căn cứ tính án phí là áp dụng sai quy định của pháp luật.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có những thiếu sót mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được và để đảm bảo hai cấp xét xử, nên Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 238; Khoản 2 Điều 296 và Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận M giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Vũ Văn S 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0002292 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận M;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân

